lóu xià

楼下

s · downstairs

Example Sentences

kuài dì fàng zài lóu xià dà tīng le
快递放在楼下大厅了。

The package is placed in the downstairs lobby

zhè wèi dà yé jīng cháng zài lóu xià xià qí
这位大爷经常在楼下下棋。

This elderly gentleman often plays chess downstairs.

gōng sī lóu xià xīn kāi le yì jiā jiàn shēn fáng
公司楼下新开了一家健身房。

A new gym just opened downstairs from my office.

Trace each character, then write the word on your own.

楼 楼 楼 楼 楼 楼 楼 楼 楼 楼 楼

楼 楼 楼 楼 楼

下 下 下 下 下 下